

**DANH SÁCH NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ IN SAO KHÓA CŨ TỐT NGHIỆP KỲ 2015 3**  
**( Theo quyết định số 2546/QĐ-ĐHBK-ĐTĐH ngày 03 tháng 11 năm 2016)**

| STT | SHSV     | Họ và tên           | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh ( Tỉnh ) | Giới tính | TN Loại    | Người nhận văn bằng ký nhận | Ghi chú (sao) | Lớp                          | Viện                                     |
|-----|----------|---------------------|---------------------|-------------------|-----------|------------|-----------------------------|---------------|------------------------------|------------------------------------------|
| 1   | 20111136 | Nguyễn Tuấn Anh     | 21.09.1993          | Hà Nội            | Ông       | Khá        | x                           |               | AS K56                       | Chương trình Việt-Nhật                   |
| 2   | 20111336 | Trịnh Thị Thùy Dung | 04.11.1993          | Hà Tây            | Bà        | Khá        | x                           |               | AS K56                       | Chương trình Việt-Nhật                   |
| 3   | 20112587 | Phan Văn Hậu        | 08.11.1993          | Quảng Bình        | Ông       | Giỏi       | x                           |               | IS K56                       | Chương trình Việt-Nhật                   |
| 4   | 20111823 | Nguyễn Thành Luân   | 03.02.1993          | Hà Tây            | Ông       | Khá        | x                           |               | IS K56                       | Chương trình Việt-Nhật                   |
| 43  | 20102175 | Đỗ Xuân Thái        | 15.01.1992          | Hải Phòng         | Ông       | Khá        |                             |               | ICT-55                       | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông |
| 44  | 20111716 | Hoàng Trung Kiên    | 20.12.1993          | Hà Nội            | Ông       | Giỏi       | x                           |               | ICT-56                       | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông |
| 45  | 20112386 | Nguyễn Tiến Trung   | 02.11.1993          | Thái Bình         | Ông       | Khá        | x                           |               | ICT-56                       | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông |
| 46  | 20112475 | Nguyễn Ngọc Vịnh    | 15.12.1993          | Thái Bình         | Ông       | Khá        | x                           |               | ICT-56                       | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông |
| 5   | 20111482 | Nguyễn Hoàng Hải    | 12.11.1993          | Hải Hưng          | Ông       | Khá        | x                           |               | KSTN Công Nghệ Thông Tin K56 | Trung tâm Đào tạo Tài năng               |
| 6   | 20092063 | Nguyễn Văn Phương   | 21.05.1991          | Bắc Ninh          | Ông       | Khá        | x                           |               | KSCLC Hệ thống thông tin K54 | Trung tâm Đào tạo Tài năng               |
| 7   | 20090556 | Phạm Đức Dũng       | 12.08.1991          | Hà Tây            | Ông       | Trung bình | x                           |               | Cơ Điện Tử (CTTT) K54        | Trung tâm Đào tạo Tài năng               |
| 8   | 20112735 | Nguyễn Xuân An      | 27.01.1993          | Hải Phòng         | Ông       | Khá        | x                           |               | Cơ điện tử 1 CTTT K56        | Trung tâm Đào tạo Tài năng               |
| 9   | 20110056 | Bùi Xuân Bách       | 29.01.1993          | Lào Cai           | Ông       | Khá        | x                           |               | Cơ điện tử 1 CTTT K56        | Trung tâm Đào tạo Tài năng               |
| 10  | 20110058 | Đinh Thái Bảo       | 05.03.1993          | Hải Phòng         | Ông       | Khá        | x                           |               | Cơ điện tử 1 CTTT K56        | Trung tâm Đào tạo Tài năng               |
| 11  | 20110348 | Vũ Đình Hình        | 17.01.1993          | Hải Dương         | Ông       | Khá        | xx                          |               | Cơ điện tử 1 CTTT K56        | Trung tâm Đào tạo Tài năng               |
| 12  | 20110572 | Nguyễn Đình Nguyên  | 26.08.1993          | Hải Hưng          | Ông       | Khá        | x                           |               | Cơ điện tử 1 CTTT K56        | Trung tâm Đào tạo Tài năng               |
| 13  | 20110779 | Chu Toàn Thắng      | 07.02.1993          | Hà Nội            | Ông       | Khá        | x                           |               | Cơ điện tử 1 CTTT K56        | Trung tâm Đào tạo Tài năng               |
| 14  | 20110815 | Nguyễn Đức Thanh    | 20.06.1993          | Hưng Yên          | Ông       | Khá        | x                           |               | Cơ điện tử 1 CTTT K56        | Trung tâm Đào tạo Tài năng               |

**DANH SÁCH NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ IN SAO KHÓA CŨ TỐT NGHIỆP KỲ 2015 3**  
**( Theo quyết định số 2546/QĐ-ĐHBK-ĐTĐH ngày 03 tháng 11 năm 2016)**

| STT | SHSV     | Họ và tên         | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh ( Tỉnh ) | Giới tính | TN Loại    | Người nhận văn bằng ký nhận | Ghi chú (sao) | Lớp                              | Viện                       |
|-----|----------|-------------------|---------------------|-------------------|-----------|------------|-----------------------------|---------------|----------------------------------|----------------------------|
| 15  | 20092362 | Trần Ngọc Tân     | 14.12.1991          | Hà Nam            | Ông       | Khá        | X                           |               | KSTN Điện Tử Viễn Thông K54      | Trung tâm Đào tạo Tài năng |
| 16  | 20112665 | Đinh Viêt Tú      | 13.04.1993          | Nghệ An           | Ông       | Khá        | X                           |               | KSTN Điện tử viễn thông K56      | Trung tâm Đào tạo Tài năng |
| 17  | 20090827 | Nguyễn Xuân Đức   | 12.11.1991          | Hà Nội            | Ông       | Khá        | X                           |               | Hệ thống điện (CTTT) K54         | Trung tâm Đào tạo Tài năng |
| 18  | 20091623 | Nghiêm Hữu Linh   | 02.11.1991          | Hà Nội            | Ông       | Trung bình | X                           |               | Hệ thống điện (CTTT) K54         | Trung tâm Đào tạo Tài năng |
| 19  | 20091459 | Trần Huy Khánh    | 01.03.1990          | Hà Tây            | Ông       | Khá        | X                           |               | Vi điện tử (CTTT) K54            | Trung tâm Đào tạo Tài năng |
| 20  | 20111376 | Nguyễn Đình Đạt   | 01.11.1993          | Phú Thọ           | Ông       | Khá        | X                           |               | KSCLC Tin học công nghiệp K56    | Trung tâm Đào tạo Tài năng |
| 21  | 20111607 | Vũ Xuân Hoàn      | 15.02.1993          | Nam Hà            | Ông       | Giỏi       | X                           |               | KSCLC Tin học công nghiệp K56    | Trung tâm Đào tạo Tài năng |
| 22  | 20112343 | Trần Bá Toàn      | 08.02.1993          | Thái Bình         | Ông       | Khá        | X                           |               | KSCLC Tin học công nghiệp K56    | Trung tâm Đào tạo Tài năng |
| 23  | 20112353 | Hoàng Bảo Trọng   | 09.06.1993          | Hà Tây            | Ông       | Khá        | X                           |               | KSCLC Tin học công nghiệp K56    | Trung tâm Đào tạo Tài năng |
| 24  | 20112514 | Vũ Hoàng Việt     | 28.09.1993          | Hải Hưng          | Ông       | Khá        | X                           |               | KSCLC Tin học công nghiệp K56    | Trung tâm Đào tạo Tài năng |
| 25  | 20101379 | Ngô Thanh Định    | 22.07.1992          | Thanh Hóa         | Ông       | Khá        | X                           |               | KSCLC Cơ khí hàng không K55      | Trung tâm Đào tạo Tài năng |
| 26  | 20112779 | Nguyễn Xuân Bách  | 29.06.1993          | Hưng Yên          | Ông       | Giỏi       | X                           |               | KSCLC Cơ khí hàng không K56      | Trung tâm Đào tạo Tài năng |
| 27  | 20111435 | Trần Trung Đức    | 15.03.1993          | Hải Phòng         | Ông       | Giỏi       | X                           |               | KSCLC Cơ khí hàng không K56      | Trung tâm Đào tạo Tài năng |
| 28  | 20111777 | Phạm Bảo Liêm     | 02.06.1993          | Hà Nội            | Ông       | Khá        | X                           |               | KSCLC Cơ khí hàng không K56      | Trung tâm Đào tạo Tài năng |
| 29  | 20111858 | Lê Văn Minh       | 08.08.1993          | Hải Hưng          | Ông       | Giỏi       | X                           |               | KSCLC Cơ khí hàng không K56      | Trung tâm Đào tạo Tài năng |
| 30  | 20090450 | Bùi Công Dân      | 17.06.1991          | Nam Định          | Ông       | Khá        | X                           |               | Vật liệu điện tử & nano CTTT K54 | Trung tâm Đào tạo Tài năng |
| 31  | 20093650 | Nguyễn Đình Trung | 21.09.1991          | Nghệ An           | Ông       | Khá        | X                           |               | Vật liệu điện tử & nano CTTT K54 | Trung tâm Đào tạo Tài năng |
| 32  | 20112944 | Lê Đỗ Việt Hùng   | 28.09.1993          | Thanh Hóa         | Ông       | Khá        | X                           |               | KHVL CTTT K56                    | Trung tâm Đào tạo Tài năng |

**DANH SÁCH NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ IN SAO KHÓA CỬ TỐT NGHIỆP KỲ 2015 3**  
**( Theo quyết định số 2546/QĐ-ĐHBK-ĐTĐH ngày 03 tháng 11 năm 2016)**

| STT | SHSV     | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh ( Tỉnh ) | Giới tính | TN Loại    | Người nhận văn bằng ký nhận | Ghi chú (sao) | Lớp                       | Viện                                           |
|-----|----------|-----------------------|---------------------|-------------------|-----------|------------|-----------------------------|---------------|---------------------------|------------------------------------------------|
| 33  | 20113882 | Nguyễn Thị Ánh Nguyệt | 10.12.1993          | Nghệ An           | Bà        | Khá        | X                           |               | KHVL CTTT K56             | Trung tâm Đào tạo Tài năng                     |
| 34  | 20113430 | Đoàn Thành Trung      | 23.07.1993          | Hà Nội            | Ông       | Khá        | X                           |               | KHVL CTTT K56             | Trung tâm Đào tạo Tài năng                     |
| 35  | 20112771 | Tô Lan Anh            | 02.02.1994          | Thái Bình         | Bà        | Khá        | X                           |               | Kỹ thuật sinh học 2-K56   | Viện Công nghệ Sinh học và công nghệ Thực phẩm |
| 36  | 20113129 | Phạm Đăng Hoàng Mươi  | 25.05.1994          | Thái Bình         | Ông       | Khá        | X                           |               | Kỹ thuật sinh học 2-K56   | Viện Công nghệ Sinh học và công nghệ Thực phẩm |
| 37  | 20113278 | Nguyễn Thị Thanh Tâm  | 11.10.1993          | Hà Nội            | Bà        | Trung bình | X                           |               | Kỹ thuật sinh học 2-K56   | Viện Công nghệ Sinh học và công nghệ Thực phẩm |
| 38  | 20112974 | Phạm Văn Hưng         | 21.10.1993          | Hải Phòng         | Ông       | Khá        | X                           |               | Kỹ thuật thực phẩm 1-K56  | Viện Công nghệ Sinh học và công nghệ Thực phẩm |
| 39  | 20091919 | Phạm Thị Minh Ngọc    | 30.11.1991          | Hải Phòng         | Bà        | Khá        | X                           |               | Kỹ thuật thực phẩm 2 K54  | Viện Công nghệ Sinh học và công nghệ Thực phẩm |
| 40  | 20112957 | Nguyễn Thị Việt Hương | 13.05.1993          | Ninh Bình         | Bà        | Khá        | X                           |               | Kỹ thuật thực phẩm 2-K56  | Viện Công nghệ Sinh học và công nghệ Thực phẩm |
| 41  | 20113374 | Phạm Hữu Thao         | 17.02.1993          | Hải Dương         | Ông       | Khá        | X                           |               | Kỹ thuật thực phẩm 2-K56  | Viện Công nghệ Sinh học và công nghệ Thực phẩm |
| 42  | 20081689 | Nguyễn Văn Mạch       | 20.08.1990          | Nam Hà            | Ông       | Trung bình | X                           |               | Kỹ thuật thực phẩm K53    | Viện Công nghệ Sinh học và công nghệ Thực phẩm |
| 47  | 20093528 | Trần Tuấn Mạnh        | 13.02.1991          | Nghệ An           | Ông       | Khá        |                             | Thiếu 140     | Công nghệ thông tin 1 K54 | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông       |
| 48  | 20101488 | Lê Đức Hạnh           | 01.02.1992          | Hung Yên          | Ông       | Trung bình | X                           |               | Công nghệ thông tin 2 K55 | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông       |
| 49  | 20111784 | Nguyễn Nhất Linh      | 30.10.1993          | Thanh Hóa         | Ông       | Giỏi       | X                           |               | CNTT-TT 1.2-K56           | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông       |
| 50  | 20112628 | Trương Quang Nội      | 28.05.1993          | Hà Tĩnh           | Ông       | Khá        | X                           |               | CNTT-TT 1.2-K56           | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông       |
| 51  | 20112003 | Nguyễn Văn Quốc       | 15.05.1993          | Nam Định          | Ông       | Khá        | X                           |               | CNTT-TT 1.2-K56           | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông       |
| 52  | 20112329 | Chu Anh Toàn          | 13.11.1993          | Hải Hưng          | Ông       | Khá        | X                           |               | CNTT-TT 1.2-K56           | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông       |
| 53  | 20112446 | Phạm Minh Tuấn        | 07.02.1993          | Hải Dương         | Ông       | Khá        |                             |               | CNTT-TT 1.2-K56           | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông       |
| 54  | 20110025 | Nguyễn Hoàng Anh      | 03.09.1993          | Hà Nội            | Ông       | Khá        | X                           |               | CNTT-TT 2.4-K56           | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông       |

**DANH SÁCH NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ IN SAO KHÓA CỬ TỐT NGHIỆP KỲ 2015 3**  
**( Theo quyết định số 2546/QĐ-ĐHBK-ĐTĐH ngày 03 tháng 11 năm 2016)**

| STT | SHSV     | Họ và tên            | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh ( Tỉnh ) | Giới tính | TN Loại    | Người nhận văn bằng ký nhận | Ghi chú (sao) | Lớp                           | Viện                                     |
|-----|----------|----------------------|---------------------|-------------------|-----------|------------|-----------------------------|---------------|-------------------------------|------------------------------------------|
| 55  | 20111560 | Trần Xuân Hiền       | 15.09.1993          | Thái Bình         | Ông       | Giỏi       | X                           |               | CNTT-TT 2.4-K56               | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông |
| 56  | 20112301 | Nguyễn Văn Thụy      | 15.11.1993          | Thanh Hóa         | Ông       | Khá        | X                           |               | CNTT-TT 2.4-K56               | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông |
| 57  | 20102794 | Tith SeReySamBath    | 22.04.1990          | Campuchia         | Ông       | Trung bình | X                           |               | Công nghệ thông tin 1 K55     | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông |
| 58  | 20093306 | Nguyễn Đức Thuỷ Vịnh | 25.02.1991          | Hà Nội            | Ông       | Khá        | X                           |               | Công nghệ thông tin 2 K54     | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông |
| 59  | 20111175 | Phùng Sỹ Bình        | 12.08.1993          | Thanh Hóa         | Ông       | Khá        | X                           |               | CNTT-TT 2.1-K56               | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông |
| 60  | 20082383 | Nguyễn Duy Thành     | 30.12.1990          | Thái Nguyên       | Ông       | Trung bình | X                           |               | Truyền thông mạng K53         | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông |
| 61  | 20111775 | Lều Thị Lan          | 21.12.1993          | Hải Hưng          | Bà        | Khá        | X                           |               | CNTT-TT 1.1-K56               | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông |
| 62  | 20112004 | Thân Xuân Quỳnh      | 17.02.1993          | Bắc Giang         | Ông       | Trung bình | X                           |               | CNTT-TT 1.2-K56               | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông |
| 63  | 20114633 | Nguyễn Thành Lợi     | 09.07.1992          | Nghệ An           | Ông       | Khá        |                             | Thiếu 140     | CNTT1 01 K57                  | Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông |
| 64  | 20081677 | Phan Thế Lực         | 28.03.1987          | Vĩnh Phúc         | Ông       | Trung bình |                             |               | Chế tạo máy 2 K53             | Viện Cơ khí                              |
| 65  | 20081863 | Lê Quang Nghĩa       | 19.01.1990          | Hà Bắc            | Ông       | Trung bình | X                           |               | Chế tạo máy 2 K53             | Viện Cơ khí                              |
| 66  | 20081451 | Nguyễn Trung Kiên    | 23.08.1990          | Hải Dương         | Ông       | Trung bình | X                           |               | Máy chính xác K53             | Viện Cơ khí                              |
| 67  | 20081835 | Phạm Văn Nam         | 15.04.1989          | Thái Bình         | Ông       | Trung bình | X                           |               | Máy chính xác K53             | Viện Cơ khí                              |
| 68  | 20082969 | Nguyễn Thanh Tuyền   | 18.11.1990          | Quảng Ninh        | Ông       | Trung bình | X                           |               | Máy chính xác K53             | Viện Cơ khí                              |
| 69  | 20090199 | Dương Văn Bằng       | 19.02.1991          | Thanh Hóa         | Ông       | Khá        | X                           |               | Cơ điện tử 1 K54              | Viện Cơ khí                              |
| 70  | 20092491 | Trần Văn Thạch       | 16.12.1990          | Thanh Hóa         | Ông       | Khá        | X                           |               | Cơ điện tử 1 K54              | Viện Cơ khí                              |
| 71  | 20159569 | Đậu Văn Nam          | 30.11.1992          | Nghệ An           | Ông       | Xuất sắc   | X                           |               | KT Cơ điện tử (CN lớn KS) K57 | Viện Cơ khí                              |
| 72  | 20110872 | Nguyễn Văn Toàn      | 08.12.1993          | Nam Hà            | Ông       | Khá        | X                           |               | KT Cơ điện tử 2-K56           | Viện Cơ khí                              |

**DANH SÁCH NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ IN SAO KHÓA CŨ TỐT NGHIỆP KỲ 2015 3**  
**( Theo quyết định số 2546/QĐ-ĐHBK-ĐTĐH ngày 03 tháng 11 năm 2016)**

| STT | SHSV     | Họ và tên          | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh ( Tỉnh ) | Giới tính | TN Loại    | Người nhận văn bằng ký nhận | Ghi chú (sao) | Lớp                  | Viện        |
|-----|----------|--------------------|---------------------|-------------------|-----------|------------|-----------------------------|---------------|----------------------|-------------|
| 73  | 20110830 | Nguyễn Văn Thiện   | 24.12.1993          | Hà Tây            | Ông       | Khá        | X                           |               | KT Cơ điện tử 2-K56  | Viện Cơ khí |
| 74  | 20110904 | Nguyễn Đình Trung  | 25.01.1993          | Thanh Hóa         | Ông       | Khá        | X                           |               | KT Cơ điện tử 2-K56  | Viện Cơ khí |
| 75  | 20110446 | Nguyễn Văn Lộc     | 04.11.1993          | Thái Bình         | Ông       | Khá        | X                           |               | KT Cơ điện tử 3-K56  | Viện Cơ khí |
| 76  | 20110871 | Nguyễn Huy Toàn    | 22.10.1993          | Vĩnh Phú          | Ông       | Khá        | X                           |               | KT Cơ điện tử 3-K56  | Viện Cơ khí |
| 77  | 20110971 | Bùi Tấn Việt       | 27.10.1993          | Ucraina           | Ông       | Khá        | X                           |               | KT Cơ điện tử 3-K56  | Viện Cơ khí |
| 78  | 20090530 | Nguyễn Anh Dũng    | 21.11.1991          | Hà Nội            | Ông       | Trung bình | X                           |               | CK chế tạo máy 2 K54 | Viện Cơ khí |
| 79  | 20092256 | Nguyễn Ngọc Sơn    | 01.01.1991          | Hải Dương         | Ông       | Khá        | X                           |               | CK chế tạo máy 2 K54 | Viện Cơ khí |
| 80  | 20091199 | Nguyễn Đình Hội    | 05.10.1991          | Bắc Giang         | Ông       | Trung bình | X                           |               | CK chế tạo máy 5 K54 | Viện Cơ khí |
| 81  | 20092131 | Nguyễn Quốc Quân   | 07.11.1991          | Quảng Ninh        | Ông       | Trung bình | X                           |               | CK chế tạo máy 5 K54 | Viện Cơ khí |
| 82  | 20110245 | Nguyễn Quý Giáp    | 25.12.1993          | Vĩnh Phúc         | Ông       | Trung bình | X                           |               | KT cơ khí 1-K56      | Viện Cơ khí |
| 83  | 20110086 | Đoàn Văn Công      | 24.08.1993          | Hải Hưng          | Ông       | Khá        | X                           |               | KT cơ khí 2-K56      | Viện Cơ khí |
| 84  | 20110101 | Nguyễn Hoàng Cường | 17.10.1993          | Hải Phòng         | Ông       | Trung bình | X                           |               | KT cơ khí 2-K56      | Viện Cơ khí |
| 85  | 20114651 | Đỗ Đức Huy         | 06.03.1993          | Nam Định          | Ông       | Khá        | X                           |               | KT cơ khí 2-K56      | Viện Cơ khí |
| 86  | 20110127 | Đỗ Văn Chung       | 02.12.1993          | Thanh Hóa         | Ông       | Khá        | X                           |               | KT cơ khí 3-K56      | Viện Cơ khí |
| 87  | 20110709 | Hồ Ngọc Tùng       | 26.10.1993          | Bắc Giang         | Ông       | Trung bình | X                           |               | KT cơ khí 4-K56      | Viện Cơ khí |
| 88  | 20110242 | Lê Minh Điệp       | 26.10.1993          | Hải Hưng          | Ông       | Trung bình | X                           |               | KT cơ khí 5-K56      | Viện Cơ khí |
| 89  | 20110509 | Cao Công Minh      | 06.04.1993          | Hải Hưng          | Ông       | Trung bình | X                           |               | KT cơ khí 5-K56      | Viện Cơ khí |
| 90  | 20110928 | Nguyễn Phương Tuấn | 20.04.1992          | Nghệ An           | Ông       | Khá        | X                           |               | KT cơ khí 5-K56      | Viện Cơ khí |

**DANH SÁCH NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ IN SAO KHÓA CŨ TỐT NGHIỆP KỲ 2015 3**  
**( Theo quyết định số 2546/QĐ-ĐHBK-ĐTĐH ngày 03 tháng 11 năm 2016)**

| STT | SHSV     | Họ và tên          | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh ( Tỉnh ) | Giới tính | TN Loại    | Người nhận văn bằng ký nhận | Ghi chú (sao) | Lớp                   | Viện        |
|-----|----------|--------------------|---------------------|-------------------|-----------|------------|-----------------------------|---------------|-----------------------|-------------|
| 91  | 20111078 | Phan Tất Tuấn      | 01.05.1993          | Nghệ An           | Ông       | Trung bình | x                           |               | KT cơ khí 5-K56       | Viện Cơ khí |
| 92  | 20110286 | Đặng Văn Hùng      | 08.01.1993          | Thái Bình         | Ông       | Khá        | x                           |               | KT cơ khí 6-K56       | Viện Cơ khí |
| 93  | 20110869 | Đoàn Bùi Duy Toàn  | 10.11.1993          | Hà Bắc            | Ông       | Trung bình | x                           |               | KT cơ khí 6-K56       | Viện Cơ khí |
| 94  | 20110746 | Kim Văn Thành      | 16.05.1993          | Hà Tây            | Ông       | Khá        | x                           |               | KT cơ khí 6-K56       | Viện Cơ khí |
| 95  | 20110506 | Phạm Văn Mười      | 19.10.1993          | Nam Hà            | Ông       | Khá        | x                           |               | KT cơ khí 7-K56       | Viện Cơ khí |
| 96  | 20110527 | Bùi Đức Nam        | 10.09.1993          | Vĩnh Phú          | Ông       | Khá        | x                           |               | KT cơ khí 7-K56       | Viện Cơ khí |
| 97  | 20110885 | Nguyễn Minh Trường | 04.08.1993          | Hà Nội            | Ông       | Khá        | x                           |               | KT cơ khí 7-K56       | Viện Cơ khí |
| 98  | 20110007 | Phạm Hải An        | 18.01.1993          | Hải Phòng         | Ông       | Khá        | x                           |               | KT cơ khí 8-K56       | Viện Cơ khí |
| 99  | 20110856 | Nguyễn Văn Tiến    | 27.01.1993          | Hà Nội            | Ông       | Trung bình | x                           |               | KT cơ khí 8-K56       | Viện Cơ khí |
| 100 | 20100571 | Nguyễn Duy Quý     | 10.11.1992          | Thái Bình         | Ông       | Khá        | x                           |               | Kỹ thuật cơ khí 1-K55 | Viện Cơ khí |
| 101 | 20100072 | Trần Thanh Bình    | 25.08.1992          | Thái Bình         | Ông       | Khá        | x                           |               | Kỹ thuật cơ khí 2-K55 | Viện Cơ khí |
| 102 | 20100626 | Lương Đình Thanh   | 09.12.1992          | Bắc Giang         | Ông       | Khá        | x                           |               | Kỹ thuật cơ khí 2-K55 | Viện Cơ khí |
| 103 | 20100223 | Trần Văn Đức       | 28.06.1992          | Nam Định          | Ông       | Trung bình | x                           |               | Kỹ thuật cơ khí 4-K55 | Viện Cơ khí |
| 104 | 20100770 | Vũ Viết Trung      | 17.04.1992          | Nam Hà            | Ông       | Trung bình | x                           |               | Kỹ thuật cơ khí 4-K55 | Viện Cơ khí |
| 105 | 20100363 | Kim Ngọc Hưng      | 18.02.1992          | Yên Bái           | Ông       | Khá        | x                           |               | Kỹ thuật cơ khí 5-K55 | Viện Cơ khí |
| 106 | 20100498 | Dương Văn Nhân     | 22.04.1991          | Vĩnh Phúc         | Ông       | Khá        | x                           |               | Kỹ thuật cơ khí 5-K55 | Viện Cơ khí |
| 107 | 20100760 | Nguyễn Như Trung   | 12.06.1992          | Nam Hà            | Ông       | Trung bình | x                           |               | Kỹ thuật cơ khí 5-K55 | Viện Cơ khí |
| 108 | 20100717 | Nguyễn Văn Tiến    | 07.08.1992          | Thanh Hóa         | Ông       | Trung bình | x                           |               | Kỹ thuật cơ khí 6-K55 | Viện Cơ khí |

**DANH SÁCH NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ IN SAO KHÓA CŨ TỐT NGHIỆP KỲ 2015 3**  
( Theo quyết định số 2546/QĐ-ĐHBK-ĐTĐH ngày 03 tháng 11 năm 2016)

| STT | SHSV     | Họ và tên        | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh ( Tỉnh ) | Giới tính | TN Loại    | Người nhận văn bằng ký nhận | Ghi chú (sao) | Lớp                            | Viện                 |
|-----|----------|------------------|---------------------|-------------------|-----------|------------|-----------------------------|---------------|--------------------------------|----------------------|
| 109 | 20100128 | Cao Văn Duy      | 16.04.1992          | Hải Hưng          | Ông       | Trung bình | X                           |               | Kỹ thuật cơ khí 7-K55          | Viện Cơ khí          |
| 110 | 20100929 | Trần Hữu Hưng    | 18.06.1992          | Nghệ An           | Ông       | Trung bình | X                           |               | Kỹ thuật cơ khí 7-K55          | Viện Cơ khí          |
| 111 | 20100018 | Lê Hoàng Anh     | 20.11.1992          | Hà Nội            | Ông       | Khá        | X                           |               | Kỹ thuật cơ khí 8-K55          | Viện Cơ khí          |
| 112 | 20100070 | Phạm Duy Bình    | 02.03.1991          | Hà Nội            | Ông       | Khá        | X                           |               | Kỹ thuật cơ khí 8-K55          | Viện Cơ khí          |
| 113 | 20091419 | Bùi Tuấn Khang   | 12.09.1991          | Thái Bình         | Ông       | Trung bình | X                           |               | Cơ khí động lực 1 K54          | Viện Cơ khí Động lực |
| 114 | 20110553 | Trần Văn Nam     | 26.05.1993          | Bắc Ninh          | Ông       | Trung bình | X                           |               | KT Cơ khí động lực 1-K56       | Viện Cơ khí Động lực |
| 115 | 20111028 | Đoàn Văn Hiệu    | 24.07.1993          | Hà Tĩnh           | Ông       | Khá        | X                           |               | KT Cơ khí động lực 2-K56       | Viện Cơ khí Động lực |
| 116 | 20110391 | Bùi Đức Khánh    | 04.04.1993          | Hòa Bình          | Ông       | Trung bình | X                           |               | KT Cơ khí động lực 2-K56       | Viện Cơ khí Động lực |
| 117 | 20110744 | Đoàn Công Thành  | 26.03.1993          | Hà Nội            | Ông       | Khá        | X                           |               | KT Cơ khí động lực 2-K56       | Viện Cơ khí Động lực |
| 118 | 20100349 | Nguyễn Văn Huyền | 15.06.1992          | Hải Dương         | Ông       | Trung bình | X                           |               | Kỹ thuật Cơ khí động lực 1-K55 | Viện Cơ khí Động lực |
| 119 | 20100016 | Hoàng Quốc Anh   | 19.01.1992          | Thanh Hóa         | Ông       | Trung bình |                             |               | Kỹ thuật Cơ khí động lực 2-K55 | Viện Cơ khí Động lực |
| 120 | 20100475 | Nguyễn Văn Nam   | 04.11.1992          | Hà Nội            | Ông       | Trung bình |                             |               | Kỹ thuật Cơ khí động lực 2-K55 | Viện Cơ khí Động lực |
| 121 | 20092144 | Phạm Xuân Quân   | 28.08.1989          | Hải Hưng          | Ông       | Khá        |                             |               | Kỹ thuật hàng không K54        | Viện Cơ khí Động lực |
| 122 | 20100141 | Ứng Quang Duy    | 29.04.1992          | Hà Tây            | Ông       | Khá        | X                           |               | Kỹ thuật hàng không-K55        | Viện Cơ khí Động lực |
| 123 | 20111019 | Lưu Phi Đức      | 15.08.1992          | Nghệ An           | Ông       | Trung bình | X                           |               | Kỹ thuật hàng không-K56        | Viện Cơ khí Động lực |
| 124 | 20110926 | Nguyễn Minh Tuấn | 30.03.1993          | Hà Nội            | Ông       | Khá        |                             |               | Kỹ thuật tàu thủy-K56          | Viện Cơ khí Động lực |
| 125 | 20081177 | Nguyễn Thị Huyền | 21.12.1990          | Bắc Ninh          | Bà        | Trung bình | X                           |               | Kỹ thuật đo K53                | Viện Điện            |
| 126 | 20101431 | Đinh Văn Giang   | 10.11.1992          | Nam Định          | Ông       | Trung bình | X                           |               | Kỹ thuật điện 1 K55            | Viện Điện            |

**DANH SÁCH NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ IN SAO KHÓA CỬ TỐT NGHIỆP KỲ 2015 3**  
**( Theo quyết định số 2546/QĐ-ĐHBK-ĐTĐH ngày 03 tháng 11 năm 2016)**

| STT | SHSV     | Họ và tên        | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh ( Tỉnh ) | Giới tính | TN Loại    | Người nhận văn bằng ký nhận | Ghi chú (sao) | Lớp                               | Viện      |
|-----|----------|------------------|---------------------|-------------------|-----------|------------|-----------------------------|---------------|-----------------------------------|-----------|
| 127 | 20112546 | Nguyễn Xuân Công | 23.08.1993          | Hà Tĩnh           | Ông       | Khá        |                             |               | Kỹ thuật điện 1 K56               | Viện Điện |
| 128 | 20111578 | Trần Văn Hiếu    | 25.07.1993          | Hải Phòng         | Ông       | Giỏi       | X                           |               | Kỹ thuật điện 1 K56               | Viện Điện |
| 129 | 20111804 | Hoàng Gia Long   | 20.01.1993          | Hải Hưng          | Ông       | Khá        | X                           |               | Kỹ thuật điện 1 K56               | Viện Điện |
| 130 | 20093062 | Hoàng Ngọc Tuyền | 27.02.1991          | Bắc Ninh          | Ông       | Khá        |                             |               | Kỹ thuật điện 2 K54               | Viện Điện |
| 131 | 20101791 | Phạm Công Linh   | 26.05.1992          | Hải Dương         | Ông       | Khá        | X                           |               | Kỹ thuật điện 3 K55               | Viện Điện |
| 132 | 20149563 | Bùi Đình Khoa    | 25.07.1992          | Vĩnh Phú          | Ông       | Khá        | X                           |               | Điều khiển và TĐH (CN lìn KS) K56 | Viện Điện |
| 133 | 20159500 | Hoàng Trường Tư  | 20.10.1992          | Quảng Bình        | Ông       | Khá        | X                           |               | Điều khiển và TĐH (CN lìn KS) K56 | Viện Điện |
| 134 | 20159519 | Trần Mạnh Tuấn   | 30.10.1992          | Nam Định          | Ông       | Khá        | X                           |               | Điều khiển và TĐH (CN lìn KS) K57 | Viện Điện |
| 135 | 20101272 | Hoàng Đăng Dũng  | 16.05.1992          | Hà Tây            | Ông       | Khá        | X                           |               | Điều khiển và TĐH1 K55            | Viện Điện |
| 136 | 20111230 | Nguyễn Văn Cường | 20.01.1993          | Bắc Giang         | Ông       | Khá        | X                           |               | Điều khiển và TĐH1 K56            | Viện Điện |
| 137 | 20101408 | Nguyễn Thế Đức   | 04.07.1992          | Hà Tây            | Ông       | Trung bình | X                           |               | Điều khiển và TĐH2 K55            | Viện Điện |
| 138 | 20111220 | Ngô Khắc Cường   | 08.05.1993          | Thanh Hóa         | Ông       | Khá        | X                           |               | Điều khiển và TĐH2 K56            | Viện Điện |
| 139 | 20111129 | Nguyễn Tiến Anh  | 13.01.1993          | Vĩnh Phú          | Ông       | Khá        | X                           |               | Điều khiển và TĐH3 K56            | Viện Điện |
| 140 | 20111497 | Bùi Quốc Hậu     | 08.01.1993          | Hà Nội            | Ông       | Khá        | X                           |               | Điều khiển và TĐH3 K56            | Viện Điện |
| 141 | 20112660 | Nguyễn Văn Tâm   | 19.05.1993          | Nghệ An           | Ông       | Khá        | X                           |               | Điều khiển và TĐH3 K56            | Viện Điện |
| 142 | 20101460 | Phạm Văn Hà      | 19.05.1992          | Nam Định          | Ông       | Trung bình | X                           |               | Điều khiển và TĐH4 K55            | Viện Điện |
| 143 | 20102802 | Hoàng Trung Hiếu | 01.06.1992          | Hải Hưng          | Ông       | Khá        | X                           |               | Điều khiển và TĐH4 K55            | Viện Điện |
| 144 | 20106049 | Phạm Quang Việt  | 30.12.1987          | Hà Nội            | Ông       | Khá        | X                           |               | Điều khiển và TĐH6 K55            | Viện Điện |

**DANH SÁCH NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ IN SAO KHÓA CŨ TỐT NGHIỆP KỲ 2015 3**  
**( Theo quyết định số 2546/QĐ-ĐHBK-ĐTĐH ngày 03 tháng 11 năm 2016)**

| STT | SHSV     | Họ và tên              | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh ( Tỉnh ) | Giới tính | TN Loại    | Người nhận văn bằng ký nhận | Ghi chú (sao) | Lớp                         | Viện                      |
|-----|----------|------------------------|---------------------|-------------------|-----------|------------|-----------------------------|---------------|-----------------------------|---------------------------|
| 145 | 20111393 | Cung Duy Đăng          | 21.04.1993          | Hà Nội            | Ông       | Khá        | X                           |               | Điều khiển và TDH6 K56      | Viện Điện                 |
| 146 | 20111402 | Đoàn Quang Đô          | 20.01.1993          | Thái Bình         | Ông       | Khá        | X                           |               | Điều khiển và TDH6 K56      | Viện Điện                 |
| 147 | 20111810 | Nguyễn Túy Long        | 20.06.1993          | Thanh Hóa         | Ông       | Trung bình | X                           |               | Điều khiển và TDH6 K56      | Viện Điện                 |
| 148 | 20092280 | Trần Ngọc Sơn          | 16.05.1991          | Quảng Ninh        | Ông       | Khá        |                             |               | Điều khiển và TDH7 K54      | Viện Điện                 |
| 149 | 20112048 | Nguyễn Văn Quyền       | 10.02.1993          | Thanh Hóa         | Ông       | Khá        | X                           |               | Điều khiển và TDH7 K56      | Viện Điện                 |
| 150 | 20112075 | Nguyễn Ngọc Sơn        | 01.08.1993          | Hải Phòng         | Ông       | Trung bình | X                           |               | Điều khiển và TDH7 K56      | Viện Điện                 |
| 151 | 20112391 | Phan Mạnh Trung        | 26.06.1993          | Hà Nội            | Ông       | Trung bình | X                           |               | Điều khiển và TDH7 K56      | Viện Điện                 |
| 152 | 20081992 | Phạm Văn Phú           | 04.03.1989          | Nam Định          | Ông       | Trung bình |                             |               | Thiết bị điện K53           | Viện Điện                 |
| 153 | 20071332 | Nguyễn Quốc Huy        | 21.02.1989          | Hải Hưng          | Ông       | Trung bình | X                           |               | Điện tử 4 K52               | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 154 | 20112559 | Đinh Trọng Chuyên      | 01.06.1993          | Nghệ An           | Ông       | Khá        |                             |               | Điện tử-Truyền thông 02-K56 | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 155 | 20111540 | Đàm Văn Hường          | 24.08.1993          | Hà Nam            | Ông       | Khá        | X                           |               | Điện tử-Truyền thông 02-K56 | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 156 | 20111702 | Nguyễn Ngọc Kha        | 23.07.1993          | Thái Bình         | Ông       | Trung bình | X                           |               | Điện tử-Truyền thông 02-K56 | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 157 | 20111445 | Hoàng Văn Đoán         | 19.11.1993          | Thái Bình         | Ông       | Trung bình | X                           |               | Điện tử-Truyền thông 04-K56 | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 158 | 20111675 | Phạm Văn Kinh          | 27.02.1993          | Nam Định          | Ông       | Khá        | X                           |               | Điện tử-Truyền thông 04-K56 | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 159 | 20112000 | Trương Hoàng Mạnh Quân | 30.03.1993          | Bình Định         | Ông       | Khá        | X                           |               | Điện tử-Truyền thông 05-K56 | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 160 | 20112432 | Nguyễn Doãn Tuấn       | 28.02.1993          | Hà Tây            | Ông       | Xuất sắc   | X                           |               | Điện tử-Truyền thông 05-K56 | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 161 | 20111835 | Nguyễn Văn Mạnh        | 02.03.1993          | Hà Bắc            | Ông       | Trung bình | X                           |               | Điện tử-Truyền thông 07-K56 | Viện Điện tử - Viễn thông |
| 162 | 20111340 | Lã Đức Duy             | 08.11.1993          | Nam Định          | Ông       | Trung bình | X                           |               | Điện tử-Truyền thông 08-K56 | Viện Điện tử - Viễn thông |

**DANH SÁCH NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ IN SAO KHÓA CỬ TỐT NGHIỆP KỲ 2015 3**  
( Theo quyết định số 2546/QĐ-ĐHBK-ĐTĐH ngày 03 tháng 11 năm 2016)

| STT | SHSV     | Họ và tên              | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh ( Tỉnh ) | Giới tính | TN Loại    | Người nhận văn bằng ký nhận | Ghi chú (sao) | Lớp                         | Viện                                        |
|-----|----------|------------------------|---------------------|-------------------|-----------|------------|-----------------------------|---------------|-----------------------------|---------------------------------------------|
| 163 | 20111433 | Trần Công Đức          | 28.03.1993          | Yên Bái           | Ông       | Khá        |                             |               | Điện tử-Truyền thông 09-K56 | Viện Điện tử - Viễn thông                   |
| 164 | 20111585 | Hoàng Tuấn Hiệp        | 19.03.1993          | Hung Yên          | Ông       | Khá        |                             |               | Điện tử-Truyền thông 09-K56 | Viện Điện tử - Viễn thông                   |
| 165 | 20111539 | Vũ Thị Hường           | 23.02.1993          | Hà Tây            | Bà        | Giỏi       | x                           |               | Điện tử-Truyền thông 09-K56 | Viện Điện tử - Viễn thông                   |
| 166 | 20111856 | Đình Quang Minh        | 12.06.1993          | Hà Nội            | Ông       | Khá        | x                           |               | Điện tử-Truyền thông 10-K56 | Viện Điện tử - Viễn thông                   |
| 167 | 20111882 | Nguyễn Đức Nam         | 06.10.1993          | Hải Hưng          | Ông       | Khá        | x                           |               | Điện tử-Truyền thông 10-K56 | Viện Điện tử - Viễn thông                   |
| 168 | 20102614 | Đặng Trọng Dũng        | 18.10.1992          | Nghệ An           | Ông       | Khá        | x                           |               | Điện tử-Viễn thông 01-K55   | Viện Điện tử - Viễn thông                   |
| 169 | 20102180 | Lê Phúc Thái           | 04.05.1992          | Hải Phòng         | Ông       | Khá        | x                           |               | Điện tử-Viễn thông 01-K55   | Viện Điện tử - Viễn thông                   |
| 170 | 20102113 | Vũ Trường Sơn          | 17.10.1992          | Hải Dương         | Ông       | Trung bình |                             | Thiếu 140     | Điện tử-Viễn thông 03-K55   | Viện Điện tử - Viễn thông                   |
| 171 | 20102627 | Hồ Nguyên Đồng         | 10.08.1992          | Hà Tĩnh           | Ông       | Khá        | x                           |               | Điện tử-Viễn thông 05-K55   | Viện Điện tử - Viễn thông                   |
| 172 | 20091430 | Đào Văn Khánh          | 20.07.1991          | Hải Phòng         | Ông       | Khá        | x                           |               | Điện tử-Viễn thông 06-K54   | Viện Điện tử - Viễn thông                   |
| 173 | 20091516 | Nguyễn Trung Kiên      | 07.09.1991          | Hà Nội            | Ông       | Trung bình |                             |               | Điện tử-Viễn thông 07-K54   | Viện Điện tử - Viễn thông                   |
| 174 | 20106062 | Vũ Việt Hoàng          | 19.04.1991          | Hà Nội            | Ông       | Khá        | x                           |               | KTĐT, truyền thông(CH) K55  | Viện Điện tử - Viễn thông                   |
| 175 | 20124983 | Nguyễn Thị Lệ Quyên    | 12.07.1994          | Hà Nội            | Bà        | Giỏi       | x                           |               | KTĐT-TT 07 K57              | Viện Điện tử - Viễn thông                   |
| 176 | 20082716 | Trịnh Ngọc Toàn        | 22.02.1989          | Thanh Hóa         | Ông       | Trung bình |                             |               | Kỹ thuật y sinh K53         | Viện Điện tử - Viễn thông                   |
| 177 | 20114005 | Đình Văn Thái          | 08.01.1992          | Nam Hà            | Ông       | Trung bình | x                           |               | Kỹ thuật hạt nhân-K56       | Viện Kỹ thuật Hạt nhân và Vật lý Môi trường |
| 178 | 20081653 | Đỗ Xuân Luyện          | 27.04.1989          | Hòa Bình          | Ông       | Trung bình | x                           |               | CN Điện hoá K53             | Viện Kỹ thuật Hoá học                       |
| 179 | 20112907 | Nguyễn Thị Hương Giang | 25.09.1993          | Hà Nội            | Bà        | Khá        |                             |               | Kỹ thuật hóa học 1-K56      | Viện Kỹ thuật Hoá học                       |
| 180 | 20113155 | Vũ Thị Minh            | 01.09.1993          | Nam Hà            | Bà        | Khá        | x                           |               | Kỹ thuật hóa học 1-K56      | Viện Kỹ thuật Hoá học                       |

**DANH SÁCH NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ IN SAO KHÓA CŨ TỐT NGHIỆP KỲ 2015 3**  
**( Theo quyết định số 2546/QĐ-ĐHBK-ĐTĐH ngày 03 tháng 11 năm 2016)**

| STT | SHSV     | Họ và tên         | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh ( Tỉnh ) | Giới tính | TN Loại    | Người nhận văn bằng ký nhận | Ghi chú (sao) | Lớp                    | Viện                  |
|-----|----------|-------------------|---------------------|-------------------|-----------|------------|-----------------------------|---------------|------------------------|-----------------------|
| 181 | 20113248 | Nguyễn Văn Quyền  | 08.07.1993          | Hung Yên          | Ông       | Khá        | x                           |               | Kỹ thuật hóa học 1-K56 | Viện Kỹ thuật Hoá học |
| 182 | 20091076 | Nguyễn Đình Hiệp  | 11.03.1991          | Hà Nội            | Ông       | Trung bình | x                           |               | Kỹ thuật hóa học 2 K54 | Viện Kỹ thuật Hoá học |
| 183 | 20113515 | Trịnh Hồng Dương  | 16.12.1993          | Nghệ An           | Ông       | Khá        | x                           |               | Kỹ thuật hóa học 2-K56 | Viện Kỹ thuật Hoá học |
| 184 | 20112879 | Phạm Tiến Đạt     | 25.12.1993          | Hải Phòng         | Ông       | Khá        | x                           |               | Kỹ thuật hóa học 2-K56 | Viện Kỹ thuật Hoá học |
| 185 | 20113121 | Lê Đức Mạnh       | 02.02.1993          | Hòa Bình          | Ông       | Khá        | x                           |               | Kỹ thuật hóa học 2-K56 | Viện Kỹ thuật Hoá học |
| 186 | 20113429 | Đồng Hoàng Trung  | 12.12.1993          | Hải Dương         | Ông       | Khá        |                             |               | Kỹ thuật hóa học 2-K56 | Viện Kỹ thuật Hoá học |
| 187 | 20093216 | Nguyễn Đình Tường | 18.09.1991          | Hải Hưng          | Ông       | Khá        |                             |               | Kỹ thuật hóa học 3 K54 | Viện Kỹ thuật Hoá học |
| 188 | 20112778 | Nguyễn Văn Ánh    | 22.02.1993          | Hải Phòng         | Ông       | Khá        | x                           |               | Kỹ thuật hóa học 3-K56 | Viện Kỹ thuật Hoá học |
| 189 | 20112761 | Nguyễn Tuấn Anh   | 14.09.1993          | Hà Nội            | Ông       | Trung bình |                             |               | Kỹ thuật hóa học 4-K56 | Viện Kỹ thuật Hoá học |
| 190 | 20114658 | Cao Tiến Đạt      | 01.05.1993          | Nam Hà            | Ông       | Trung bình |                             |               | Kỹ thuật hóa học 5-K56 | Viện Kỹ thuật Hoá học |
| 191 | 20112894 | Nguyễn Minh Đức   | 26.03.1993          | Nam Định          | Ông       | Trung bình | x                           |               | Kỹ thuật hóa học 5-K56 | Viện Kỹ thuật Hoá học |
| 192 | 20113469 | Nguyễn Duy Vũ     | 16.01.1993          | Hải Phòng         | Ông       | Khá        |                             |               | Kỹ thuật hóa học 5-K56 | Viện Kỹ thuật Hoá học |
| 193 | 20113537 | Nguyễn Ngọc Khánh | 09.12.1993          | Nghệ An           | Ông       | Khá        |                             |               | Kỹ thuật hóa học 6-K56 | Viện Kỹ thuật Hoá học |
| 194 | 20113070 | Nguyễn Hải Lân    | 14.10.1993          | Hung Yên          | Ông       | Khá        |                             |               | Kỹ thuật hóa học 6-K56 | Viện Kỹ thuật Hoá học |
| 195 | 20113113 | Nguyễn Văn Long   | 04.03.1993          | Bắc Ninh          | Ông       | Khá        | x                           |               | Kỹ thuật hóa học 6-K56 | Viện Kỹ thuật Hoá học |
| 196 | 20090128 | Nguyễn Tuấn Anh   | 23.02.1991          | Hải Dương         | Ông       | Trung bình | x                           |               | Kỹ thuật hóa học 7 K54 | Viện Kỹ thuật Hoá học |
| 197 | 20113258 | Lê Hồng Sơn       | 10.10.1992          | Thanh Hóa         | Ông       | Trung bình | x                           |               | Kỹ thuật hóa học 7-K56 | Viện Kỹ thuật Hoá học |
| 198 | 20092404 | Vũ Thành Thao     | 07.07.1991          | Thái Bình         | Ông       | Trung bình | x                           |               | Kỹ thuật hóa học 8 K54 | Viện Kỹ thuật Hoá học |

**DANH SÁCH NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC VÀ IN SAO KHÓA CŨ TỐT NGHIỆP KỲ 2015 3**  
**( Theo quyết định số 2546/QĐ-ĐHBK-ĐTĐH ngày 03 tháng 11 năm 2016)**

| STT | SHSV     | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh ( Tỉnh ) | Giới tính | TN Loại    | Người nhận văn bằng ký nhận | Ghi chú (sao) | Lớp                           | Viện                                  |
|-----|----------|-----------------------|---------------------|-------------------|-----------|------------|-----------------------------|---------------|-------------------------------|---------------------------------------|
| 199 | 20113159 | Đinh Khắc Nam         | 05.11.1993          | Nam Định          | Ông       | Khá        | X                           |               | Kỹ thuật hóa học 8-K56        | Viện Kỹ thuật Hoá học                 |
| 200 | 20113448 | Nguyễn Văn Tuấn       | 26.10.1993          | Hà Bắc            | Ông       | Giỏi       | X                           |               | Kỹ thuật hóa học 8-K56        | Viện Kỹ thuật Hoá học                 |
| 201 | 20113347 | Phùng Xuân Thắng      | 22.08.1993          | Vĩnh Phúc         | Ông       | Khá        |                             |               | Kỹ thuật hóa học 8-K56        | Viện Kỹ thuật Hoá học                 |
| 202 | 20113405 | Nguyễn Hữu Trường     | 22.08.1991          | Thanh Hóa         | Ông       | Khá        | X                           |               | KT in và Truyền thông-K56     | Viện Kỹ thuật Hoá học                 |
| 203 | 20113412 | Đặng Thu Trang        | 01.09.1993          | Hải Hưng          | Bà        | Giỏi       |                             |               | Kỹ thuật môi trường 1-K56     | Viện Khoa học và Công nghệ Môi trường |
| 204 | 20113821 | Nông Quốc Thái        | 03.11.1993          | Hải Phòng         | Ông       | Khá        | X                           |               | Kỹ thuật môi trường 2-K56     | Viện Khoa học và Công nghệ Môi trường |
| 205 | 20092974 | Khuất Quang Tuấn      | 03.08.1991          | Hà Nội            | Ông       | Trung bình |                             |               | Kỹ thuật môi trường K54       | Viện Khoa học và Công nghệ Môi trường |
| 206 | 20106126 | Đỗ Huy Thịnh          | 05.08.1991          | Hà Nội            | Ông       | Khá        | X                           |               | Kỹ thuật nhiệt(CH) K55        | Viện Khoa học và Công nghệ Nhiệt Lạnh |
| 207 | 20090269 | Vũ Ngọc Cảnh          | 26.02.1991          | Thái Bình         | Ông       | Trung bình | X                           |               | Kỹ thuật Nhiệt-Lạnh 1 K54     | Viện Khoa học và Công nghệ Nhiệt Lạnh |
| 208 | 20100108 | Hoàng Văn Cường       | 13.12.1992          | Hải Dương         | Ông       | Khá        | X                           |               | Kỹ thuật Nhiệt-Lạnh 1-K55     | Viện Khoa học và Công nghệ Nhiệt Lạnh |
| 209 | 20100872 | Nguyễn Duy Vĩnh       | 27.11.1990          | Hà Tây            | Ông       | Khá        | X                           |               | Kỹ thuật Nhiệt-Lạnh 1-K55     | Viện Khoa học và Công nghệ Nhiệt Lạnh |
| 210 | 20092901 | Nguyễn Văn Truyền     | 16.11.1990          | Hải Dương         | Ông       | Trung bình | X                           |               | Kỹ thuật Nhiệt-Lạnh 2 K54     | Viện Khoa học và Công nghệ Nhiệt Lạnh |
| 211 | 20096119 | Đỗ Hùng Cường         | 12.04.1990          | Hà Nội            | Ông       | Khá        | X                           |               | Kỹ thuật vật liệu K54         | Viện Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu    |
| 212 | 20113645 | Đỗ Nguyễn Hoàng Dương | 20.07.1993          | Phú Thọ           | Ông       | Khá        | X                           |               | KT vật liệu kim loại-K56      | Viện Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu    |
| 213 | 20113709 | Trần Duy Hoạch        | 04.10.1993          | Thái Bình         | Ông       | Khá        | X                           |               | KT vật liệu kim loại-K56      | Viện Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu    |
| 214 | 20086198 | Nguyễn Sơn Tùng       | 12.05.1988          | Hà Nội            | Ông       | Trung bình |                             |               | Vật liệu và công nghệ Đức K53 | Viện Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu    |
| 215 | 20092162 | Nguyễn Anh Quyền      | 13.10.1990          | Hà Nội            | Ông       | Khá        | X                           |               | Toán-Tin ứng dụng 2 K54       | Viện Toán ứng dụng và Tin học         |
|     |          |                       |                     |                   |           |            |                             |               |                               |                                       |